

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU

(Ngày 24 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Diên Thị Bích Tuyền Ngày tháng năm sinh: 01/01/1986
- Chức vụ/chức danh công tác: kế toán
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Tân Thành
- Nơi thường trú: ấp Bình Thành, xã Tân Hội, tỉnh An Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 089186021041, ngày cấp: 29/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Huỳnh Hội Đăng Khoa Ngày tháng năm sinh: 20/10/1987
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường Cao Đẳng Kiên Giang
- Nơi thường trú: ấp Bình Thành, xã Tân Hội, tỉnh An Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091087013165, ngày cấp: 11/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về TTXH

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Huỳnh Diên Gia Khang Ngày tháng năm sinh: 30/09/2009
- Nơi thường trú: ấp Bình Thành, xã Tân Hội, tỉnh An Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091209007286, ngày cấp: 28/03/2024 nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về TTXH

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Huỳnh Diên Bảo Ngọc Ngày tháng năm sinh: 07/10/2013
- Nơi thường trú: ấp Bình Thành, xã Tân Hội, tỉnh An Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091313005167, ngày cấp: 28/08/2025, nơi cấp: Bộ Công An

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: .../.../.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp: nơi cấp:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: đường Võ Trường Toản, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Diện tích: 100m²
- Giá trị: 800.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: AN 962214
- Thông tin khác (nếu có): Cha mua cho con

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất trồng lúa, Địa chỉ: ấp Bình Thành, xã Tân Hội, tỉnh An Giang
- Diện tích: 20816,5m²
- Giá trị: 2.497.980.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CE919110
- Thông tin khác (nếu có): Cha cho con

1.2.2. Thửa thứ hai:

- Loại đất: Đất trồng lúa, Địa chỉ: ấp Bình Thành, xã Tân Hội, tỉnh An Giang
- Diện tích: 13210,1 m²
- Giá trị: 1.585.212.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CR133535

- Thông tin khác (nếu có):

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà:

- Diện tích xây dựng:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ:

- Loại nhà:

- Diện tích xây dựng:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Loại công trình Cấp công trình

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ hai (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:Số lượng:Giá trị:

- Loại cây:Số lượng:Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:Diện tích:Giá trị:

- Loại rừng:Diện tích:Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:Số lượng:Giá trị:

- Tên gọi:Số lượng:Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

.....
.....

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

.....
.....

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (kê khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:Số lượng:Giá trị:

- Tên cổ phiếu:Số lượng:Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:Số lượng:Giá trị:

- Tên trái phiếu:Số lượng:Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:Giá trị:

- Hình thức góp vốn:Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá:Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy,...)

- Tên tài sản: ô tô Vios, Số đăng ký: 68A 240.74; Giá trị: 520.000.000 đồng

- Tên tài sản: ô tô Vios, Số đăng ký: 68A 287.02 ; Giá trị: 486.000.000 đồng
- Tên tài sản: xe máy SH model, Số đăng ký: 68AB 38941; Giá trị: 68.000.000 đồng

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài:

.....

.....

9. Tài khoản ở nước ngoài:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 406.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 84.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 72.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung: 250.000.000 đồng

III. BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP: GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/ giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: 1.1. Đất ở: 1.2. Các loại đất khác: 2. Nhà ở, công trình xây dựng: 2.1. Nhà ở: 2.2. Công trình xây dựng khác: 3. Tài sản khác gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm: 3.2. Rừng sản xuất: 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:			

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (kê khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu: 6.2. Trái phiếu: 6.3. Vốn góp: 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy,...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) 8. Tài sản ở nước ngoài: 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:			
---	--	--	--

..... ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Tân hội, ngày 24 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)